TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN SƠN TRÀ – TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 104 /2020/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 07 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc HNGĐ thụ lý số 107/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Người yêu cầu: Ông Nguyễn Xuân Thanh T - Sinh năm: 1993. Trú tại:Tổ M, phường An Hải B, quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng.

Người yêu cầu: Bà Lê Thị Kim D - Sinh năm: 1993. Trú tại: Tổ M, phường An Hải B, quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Đơn yêu cầu của bà Lê Thị Kim D và ông Nguyễn Xuân Thanh T nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Lê Thị Kim D và ông Nguyễn Xuân Thanh T kết hôn tại Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2015, tại UBND phường Phước M, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng cấp ngày 13/5/2015. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên hòa giải bà Lê Thị Kim D trình bày ý kiến:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Xuân Thanh T có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại UBND phường Phước M, quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình, nên thường xuyên cải vã, từ đó đến nay vợ chồng đã sống ly

thân, không ai quan tâm chăm sóc nhau trong cuộc sống. Nay về tình cảm chúng tôi xác định không còn yêu thương nhau nữa, nên chúng tôi đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho chúng tôi.

- Về nuôi con chung: Tôi và ông Nguyễn Xuân Thanh T xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Lê Thanh T, sinh ngày 03.10.2015 và Nguyễn Lê Đăng N, sinh ngày 29.8.2017. Tôi và ông T thỏa thuận, thống nhất giao con là Nguyễn Lê Thanh T cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng và con Nguyễn Lê Đăng N cho tôi trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung: Tôi và ông Nguyễn Xuân Thanh T xác định không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Tôi và ông Nguyễn Xuân Thanh T xác định không có nợ chung.

* Ý kiến của ông Nguyễn Xuân Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Lê Thị Kim D có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại UBND phường Phước M, quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẩn, nguyên nhân mâu thuẩn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình, nên thường xuyên cải vã, từ đó đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm chăm sóc nhau trong cuộc sống. Nay về tình cảm chúng tôi xác định không còn yêu thương nhau nữa, nên chúng tôi đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho chúng tôi.

- Về nuôi con: Tôi và bà Lê Thị Kim D xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Lê Thanh T, sinh ngày 03.10.2015 và Nguyễn Lê Đăng N, sinh ngày 29.8.2017. Tôi và bà D thỏa thuận, thống nhất giao con là Nguyễn Lê Thanh T cho tôi trực tiếp nuôi dưỡng và con Nguyễn Lê Đăng N cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung: Tôi và bà Lê Thị Kim D xác định không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Tôi và bà Lê Thị Kim D xác định không có nợ chung.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Xuân Thanh T và bà Lê Thị Kim D thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông T và bà D lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông T và bà D đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẩn của ông T và bà D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông T và bà D là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Bà Lê Thị Kim D và ông Nguyễn Xuân Thanh T xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Lê Thanh T, sinh ngày 03.10.2015 và Nguyễn Lê Đăng N, sinh ngày 29.8.2017. Bà D và ông T thỏa

thuận, thống nhất giao con Nguyễn Lê Thanh T cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng và giao con Nguyễn Lê Đăng N cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông T và bà D không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[5] Về nợ chung: Bà Lê Thị Kim D và ông Nguyễn Xuân Thanh T không có nợ chung.

[6] Về tài sản chung: Bà Lê Thị Kim D và ông Nguyễn Xuân Thanh T không có tài sản chung.

[7] Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng bà Lê Thị Kim D và ông Nguyễn Xuân Thanh T thỏa thuận mỗi người phải chịu 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng do bà Lê Thị Kim D và ông Nguyễn Xuân Thanh T đã nộp theo biên lai thu số 0006067 ngày 22/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn bà Lê Thị Kim D và ông Nguyễn Xuân Thanh T *(Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2015, tại UBND phường Phước M, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng cấp ngày 13/5/2015 không còn giá trị pháp lý)*.

- Về nuôi con chung: Bà Lê Thị Kim D và ông Nguyễn Xuân Thanh T xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Lê Thanh T, sinh ngày 03.10.2015 và Nguyễn Lê Đăng N, sinh ngày 29.8.2017. Bà D và ông T thỏa thuận, thống nhất giao con Nguyễn Lê Thanh T cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng và giao con Nguyễn Lê Đăng N cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông T và bà D không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung;

- Về quan hệ nợ chung: Bà Lê Thị Kim D và ông Nguyễn Xuân Thanh T không có nợ chung.

- Về tài sản chung: Bà Lê Thị Kim D và ông Nguyễn Xuân Thanh T không có tài sản chung.

2. Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng bà Lê Thị Kim D và ông Nguyễn Xuân Thanh T thỏa thuận mỗi người phải chịu 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng do bà Lê Thị Kim D và ông Nguyễn Xuân Thanh T đã nộp theo biên lai thu số 0006067 ngày 22/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- UBND phường Phước M;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

ĐÃ KÝ

DƯƠNG THỊ KIM NHUNG